TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 66/2019/QĐST-DS	*Càng Long, ngày 19 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 11 tháng 4 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 87/2019/TLST-DS, ngày 11 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc **"*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*"** *giữa:*

Nguyên đơn: bà Lê Thị C, sinh năm 1973.

Nơi đăng ký HKTT: ấp R, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Chỗ ở hiện nay: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: bà Ngô Thị T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Lâm Văn Q, sinh năm 1967. Nơi đăng ký HKTT: ấp R, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Chỗ ở hiện nay: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về số tiền phải trả*: bà Ngô Thị T tự nguyện trả cho bà Lê Thị C số tiền hụi 3.380.000 đồng (*ba triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng)* đối với dây hụi tuần 200.000 đồng xác lập ngày 20/9/2017al.

- *Về thời gian trả*: bà Lê Thị C với bà Ngô Thị T tự nguyện thỏa thuận do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C giải quyết theo Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: bà Ngô Thị T tự nguyện nộp 75.000 đồng, bà Lê Thị C tự nguyện nộp 75.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà C đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/ 0000670 ngày 11/4/2019 do Chi cục thi hành án dân sự huyện C thu. Hoàn trả lại cho bà C 225.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKSND huyện, tỉnh;
-Chi cục THADS huyện;
-Các đương sự;
-Lưu HS.

Thẩm phán
(Đã ký tên và đóng dấu)

Lê Thị Trúc Linh